

Số : 1.031/ĐHYD-SĐH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2014

THÔNG BÁO

V/v TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2015

Kính gửi :

Căn cứ Quyết định số 1863/QĐ-BYT ngày 27.5.2009 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT và số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25.5.2001 của Bộ Y tế ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I và chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04.7.2006 của Bộ Y tế ban hành Quy chế đào tạo bác sĩ nội trú;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07.5.2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15.02.2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 5030/QĐ-BGDĐT ngày 15.11.2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuyển đổi tên chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cho Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15.05.2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ,

Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh sẽ tổ chức thi tuyển chuyên khoa cấp I (CKI), chuyên khoa cấp II (CKII), bác sĩ nội trú (NT), cao học (CH) và nghiên cứu sinh (NCS) năm 2015 cho các Bác sĩ – Dược sĩ – Cử nhân thuộc các chuyên ngành sau:

TT	CHUYÊN NGÀNH	CKI		CKII		Cao học TT	NCS	NT
		TT	TTTCC	TT	TTTCC			
1.	Y học hình thái :					X		
	+ Giải phẫu học					(a)		
	+ Giải phẫu người						X	
	+ Giải phẫu bệnh	X		X		(a)		X
	+ Giải phẫu bệnh và pháp y						X	
	+ Mô phôi					(a)		
2.	Y học chức năng :					X		
	+ Hoá sinh y học	X		X		(b)	X	
	+ Sinh lý học					(b)	(c)	
3.	Huyết học-Truyền máu	X		X				X
4.	Vi sinh y học	X				X	X	
	Vi khuẩn học			X				
5.	Ký sinh trùng	X		X				
6.	Nội khoa	X				X		X
	Nội tiêu hóa			X			X	
	Nội hô hấp			X			X	
	Nội thận - tiết niệu			X			X	

TT	CHUYÊN NGÀNH	CKI		CKII		Cao học TT	NCS	NT
		TT	TTTCC	TT	TTTCC			
	Nội tim mạch			X			X	
7.	Nội tiết	X		X				X
8.	Lão khoa	X		X		(d)	(c)	X
9.	Hồi sức cấp cứu	X		X				X
	Hồi sức cấp cứu và chống độc						X	
10.	Thần kinh và tâm thần					X		
	Thần kinh	X		X		(e)	X	X
	Tâm thần	X		X		(e)	(f)	X
11.	Da liễu	X		X		X		X
12.	Lao	X		X		X	X	X
13.	Nhi khoa	X				X	X	X
	Nhi - Sơ sinh			X				
	Nhi - Tiêu hóa			X				
	Nhi - Hô hấp			X				
	Nhi - Tim mạch			X				
	Nhi - Thần kinh			X				
	Nhi - Huyết học			X				
	Nhi - Thận			X				
	Nhi - Nội tiết và chuyển hóa			X				
	Nhi - Hồi sức			X				
14.	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới					X		
	Truyền nhiễm	X		X			(c)	X
15.	Gây mê hồi sức	X		X		X	(*)	X
16.	Ung thư	X		X		X	(g)	X
17.	Ngoại khoa	X		X		X		X
	Ngoại - Tiêu hóa						X	
18.	Ngoại - Lồng ngực	X		X		(h)	X	X
19.	Ngoại thần kinh - Sọ não	X		X		(h)	X	X
20.	Ngoại - Nhi	X		X		(h)	(g)	X
21.	Ngoại - Tiết niệu	X		X		(h)		X
	Ngoại thận và tiết niệu						X	
22.	Chấn thương chỉnh hình	X		X		(h)		X
	Chấn thương chỉnh hình và tạo hình						X	
23.	Phục hồi chức năng	X						X
24.	Nhãn khoa	X		X		X	X	X
25.	Tai-Mũi-Họng	X				X	X	X
	Mũi họng			X				
	Thính học			X				
26.	Sản phụ khoa	X		X		X	X	X
27.	Chẩn đoán hình ảnh	X						X
	X Quang			X				
	Siêu âm			X				
28.	Y học gia đình	X		X				
29.	Điều dưỡng					X		
30.	Dịch tễ học						X	
	Y học dự phòng	X						
	Y tế công cộng	X	X			X		
	Quản lý y tế			X	X			
31.	Y học cổ truyền	X	X	X	X	X	X	X

TT	CHUYÊN NGÀNH	CKI		CKII		Cao học TT	NCS	NT
		TT	TTTCC	TT	TTTCC			
32.	Răng-Hàm-Mặt	X		X		X	X	X
33.	Công nghệ dược phẩm & bào chế thuốc	X	X			X		
	Bào chế thuốc						X	
	Công nghệ dược phẩm						X	
	Hóa dược						X	
34.	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	X				X		
	Kiểm nghiệm thuốc			X			X	
35.	Dược học cổ truyền	X				X	X	
36.	Dược lý và dược lâm sàng	X	X			X	X	
37.	Tổ chức quản lý dược	X	X	X	X			
38.	Xét nghiệm y học					X		

- Ghi chú :**
- TT : Hệ tập trung; - TTTCC : Hệ tập trung theo chứng chỉ.
 - Dấu (X) : Chuyên ngành có mã số được đào tạo.
 - Dấu : (a) Chuyên ngành được đào tạo cao học chung mã số y học hình thái.
(b) Chuyên ngành được đào tạo cao học chung mã số y học chức năng.
(c) Chuyên ngành được đào tạo NCS chung mã số hệ nội.
(d) Chuyên ngành được đào tạo cao học chung mã số nội khoa.
(e) Chuyên ngành được đào tạo cao học chung mã số thần kinh và tâm thần.
(f) Chuyên ngành được đào tạo NCS chung mã số thần kinh.
(g) Chuyên ngành được đào tạo NCS chung mã số hệ ngoại.
(h) Chuyên ngành được đào tạo cao học chung mã số ngoại khoa.
 - Dấu (*) : Chỉ nhận hồ sơ của các thí sinh là giảng viên của ĐH Y Dược TP.HCM, trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch và trường ĐH Y Dược Cần Thơ.

I - ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÀ CÁC MÔN THI CHO TỪNG CẤP :

1. TUYỂN SINH CHUYÊN KHOA CẤP I :

a. Điều kiện dự thi :

- Có bằng tốt nghiệp đại học (bác sĩ, dược sĩ) tương ứng với chuyên ngành đăng ký dự thi thuộc hệ đào tạo dài hạn hoặc chuyên tu tốt nghiệp từ năm 2013 trở về trước.
- Đối với các thí sinh dự thi các chuyên ngành Tai Mũi Họng, Nhãn khoa phải có chứng chỉ định hướng chuyên khoa (thời gian đào tạo từ 06 tháng trở lên) do các cơ sở được Bộ Y tế cho phép đào tạo.
- Lý lịch rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Thâm niên công tác 12 tháng liên tục (sau khi tốt nghiệp đại học, không kể thời gian học định hướng chuyên khoa) tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi, hiện đang công tác trong chuyên ngành đăng ký dự thi và được cơ quan chủ quản cử đi dự thi.
- Tuổi không quá 45 tuổi (sinh từ tháng 03/1970 trở về sau) đối với nữ và 50 tuổi (sinh từ tháng 03/1965 trở về sau) đối với nam; có đủ sức khỏe.
- Các đối tượng ngoài biên chế Nhà nước phải đóng kinh phí đào tạo.

b. Hình thức đào tạo :

- + Hệ tập trung: tập trung học 02 năm liên tục tại ĐH Y Dược TP. HCM.
- + Hệ tập trung theo chứng chỉ: tập trung thành từng đợt theo kế hoạch của ĐH Y Dược TP. HCM trong thời gian 04 năm.

c. Các môn thi tuyển : 02 môn: Môn cơ sở và Môn chuyên ngành.

- 1 - Môn cơ sở: + Giải phẫu học : đối với hệ Ngoại;
+ Sinh lý học : đối với hệ Nội và chuyên ngành Y học cổ truyền;

- + Hóa hữu cơ : đối với ngành Dược;
- + Nha khoa cơ sở : đối với ngành Răng Hàm Mặt;
- + Tổ chức quản lý y tế : đối với chuyên ngành Bác sĩ gia đình;
- + Thống kê y học : đối với chuyên ngành Y tế công cộng, Y học dự phòng.

(Xem Phụ lục 1 và Đề cương các môn thi cơ sở niêm yết tại ĐH Y Dược TP. HCM)

2 - **Môn chuyên ngành:** Theo chuyên ngành đăng ký dự thi.

(Xem Phụ lục 2 và Đề cương các môn thi chuyên ngành niêm yết tại ĐH Y Dược TP. HCM)

2. TUYỂN SINH CHUYÊN KHOA CẤP II:

a. Điều kiện dự thi:

- Người có bằng tốt nghiệp chuyên khoa cấp I chuyên ngành tương ứng, có thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi từ 06 năm trở lên (không kể thời gian học CKI); hoặc có bằng tốt nghiệp bác sĩ nội trú đã công tác trong chuyên ngành dự thi 03 năm (tính từ ngày tốt nghiệp bác sĩ nội trú) cho đến ngày nộp hồ sơ dự thi; hiện đang làm việc trong chuyên ngành đăng ký dự thi và được cơ quan chủ quản cử đi thi.
- Người đã tốt nghiệp thạc sĩ đúng chuyên ngành dự thi có thâm niên công tác từ 06 năm trở lên sau khi tốt nghiệp thạc sĩ tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi; hiện đang làm việc trong chuyên ngành đăng ký dự thi và được cơ quan chủ quản cử đi thi.
- Tuổi không quá 50 tuổi (sinh từ tháng 03/1965 trở về sau) đối với nữ và 55 tuổi (sinh từ tháng 03/1960 trở về sau) đối với nam; có đủ sức khỏe.
- Lý lịch rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Các đối tượng ngoài biên chế Nhà nước phải đóng kinh phí đào tạo.

b. Hình thức đào tạo:

+ Hệ tập trung: tập trung học 02 năm liên tục tại ĐH Y Dược TP. HCM.

+ Hệ tập trung theo chứng chỉ: tập trung thành từng đợt theo kế hoạch của ĐH Y Dược TP. HCM trong thời gian 04 năm.

c. Các môn thi tuyển: 02 môn: *Môn ngoại ngữ* và *Môn chuyên ngành*

1 – **Môn ngoại ngữ** (có phần chuyên ngành): *trình độ C* Anh văn hoặc Pháp văn; nếu thí sinh đăng ký dự thi tiếng Nga, Đức, Trung văn phải chịu toàn bộ chi phí mời Hội đồng thi.

2 – **Môn chuyên ngành:** theo chuyên ngành đăng ký dự thi.

(Xem Phụ lục 2 và Đề cương các môn thi chuyên ngành niêm yết tại ĐH Y Dược TP. HCM)

* **Đối với thí sinh dự thi chuyên khoa cấp II được miễn thi môn ngoại ngữ cho người có một trong những điều kiện sau:**

- + Công tác liên tục 03 năm trở lên tại khu vực 1 (KV1).
- + Công tác liên tục 03 năm trở lên tại khu vực 2 nông thôn đối với người không phải dân tộc Kinh.
 - Khu vực ưu tiên căn cứ theo bảng phân chia khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2014.
 - Các đối tượng được miễn thi môn ngoại ngữ trên sẽ học và thi đạt môn ngoại ngữ (đề thi tương đương trình độ B có phần chuyên ngành) trong quá trình đào tạo mới được xét thi tốt nghiệp chuyên khoa cấp II.

3. TUYỂN SINH CAO HỌC :

a. Điều kiện dự thi:

- Có bằng bác sĩ, dược sĩ, cử nhân y tế công cộng, cử nhân điều dưỡng, cử nhân xét nghiệm y học hoặc các bằng cử nhân khác (do ĐH Y Dược TP. HCM cấp) tốt nghiệp đại học năm 2014 trở về trước có ngành học đúng với chuyên ngành đăng ký dự thi. Trường hợp thí sinh đang công tác tại một cơ sở y tế phải được sự đồng ý và có công văn của cơ quan công tác cử đi đăng ký dự thi.
- Các đối tượng ngoài biên chế Nhà nước phải đóng kinh phí đào tạo.

b. **Hình thức đào tạo:** Tập trung 02 năm liên tục.

c. **Các môn thi tuyển:** 03 môn

1 - **Môn cơ sở:** Xem Danh mục các môn thi cơ sở (Phụ lục 1).

2 - **Môn chuyên ngành:** Tương ứng với chuyên ngành đăng ký dự thi, xem Danh mục các môn thi chuyên ngành (Phụ lục 2).

3 - **Môn ngoại ngữ:** Ngoại ngữ dùng trong thi tuyển là Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung văn có phần chuyên ngành (thang điểm 100 và điểm đạt từ 50 điểm trở lên).

* Các trường hợp được miễn thi tuyển môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được Ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo Dục và Đào Tạo cho phép hoặc công nhận (Phụ lục 3).

4. TUYỂN SINH NGHIÊN CỨU SINH :

a. **Điều kiện dự thi :** Thí sinh phải có:

- Bằng Thạc sĩ phù hợp chuyên ngành đăng ký dự tuyển; có thời gian công tác chuyên môn 01 năm sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

- Hoặc bằng bác sĩ/ dược sĩ hệ chính quy tốt nghiệp loại khá; có thâm niên công tác 02 năm (tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi) trong chuyên ngành đăng ký dự thi. Trường hợp tốt nghiệp loại giỏi được dự thi ngay.

- Một bài luận về dự định nghiên cứu (Phụ lục 4).

- Hai thư giới thiệu của hai nhà khoa học hoặc một thư giới thiệu của một nhà khoa học và một thư giới thiệu của thủ trưởng cơ quan đơn vị có thời gian công tác chung ít nhất 06 tháng (Phụ lục 5).

- Được cơ quản chủ quản cử đi dự thi.

- Chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ sau đây:

a) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 02 năm tính đến ngày dự tuyển nghiên cứu sinh, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B1, với dạng thức và yêu cầu đề kiểm tra ngoại ngữ quy định (Phụ lục 6);

b) Hoặc bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;

c) Hoặc bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

- Các đối tượng ngoài biên chế Nhà nước phải đóng kinh phí đào tạo.

b. **Hình thức đào tạo:**

Tập trung liên tục: 03 năm đối với người có bằng Thạc sĩ và 04 năm đối với người có bằng Đại học.

* Trường hợp NCS không theo học tập trung liên tục được và được cơ sở đào tạo chấp nhận, phải có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo để thực hiện đề tài nghiên cứu.

5. TUYỂN SINH BÁC SĨ NỘI TRÚ:

a. **Điều kiện dự thi:**

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2014 thuộc ngành học đúng với chuyên ngành dự thi và xếp loại tốt nghiệp đạt loại khá trở lên (chỉ tính điểm thi tốt nghiệp lần I).

- Tuổi không quá 27 (sinh từ tháng 03/1988 trở về sau).

- Có đủ sức khỏe.

- Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe).

- Thí sinh tốt nghiệp đại học loại xuất sắc, nếu có đủ điều kiện qui định trên được xét miễn thi tuyển.

b. **Hình thức đào tạo:** Chính qui tập trung 03 năm

c. **Các môn thi tuyển:** 07 môn, bao gồm:

* **Các môn thi chung:** 03 môn

1. **Môn thi 1:** Toán xác suất thống kê.

2. **Môn thi 2:** Ngoại ngữ (chọn một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Trung văn trình độ B).

3. **Môn thi 3:** chọn 01 trong 04 môn gồm: Giải phẫu; Sinh lý; Hóa sinh; Y sinh học di truyền (do đại diện thí sinh bốc thăm ngay trước giờ thi).

* **Các môn thi chuyên ngành nội trú:** 02 môn (**Môn thi 4** và **môn thi 5**)

- Thí sinh đăng ký dự thi các chuyên ngành hệ Ngoại: môn thi 4 là *Ngoại khoa*, môn thi 5 là *Sản phụ khoa*.

- Thí sinh đăng ký dự thi các chuyên ngành hệ Nội (kể cả chuyên ngành Truyền máu và huyết học): môn thi 4 là *Nội khoa*, môn thi 5 là *Nhi khoa*.

- Thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành Răng Hàm Mặt: môn thi 4 là *Nha khoa*, môn thi 5 là *Phẫu thuật trong miệng và hàm mặt*.

- Thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành Y học cổ truyền: môn thi 4 là *Lý luận y học cổ truyền*, môn thi 5 là *Nội y học cổ truyền*.

- Thí sinh đăng ký dự thi các chuyên ngành Cận lâm sàng: môn thi 4 là *Nội khoa*, môn thi 5 đối với Giải phẫu bệnh là *Mô phôi*.

* **Môn cơ sở:** Theo Cao học chuyên ngành tương ứng (Phụ lục 1)

* **Môn chuyên ngành:** Theo Cao học chuyên ngành tương ứng (Phụ lục 2).

- Trường hợp thí sinh chọn chuyên ngành học bác sĩ nội trú không có đào tạo cao học hoặc thí sinh không đăng ký dự thi tuyển cao học thì không cần dự thi môn cơ sở và môn chuyên ngành cao học tương ứng.

d. **Điều kiện được xét trúng tuyển:** thí sinh dự thi phải đạt điểm các môn thi như sau:

- Các môn dự thi phải đạt từ **5 điểm** trở lên (riêng môn ngoại ngữ phải đạt từ **50 điểm** trở lên theo thang điểm 100).

- Môn chuyên ngành phải đạt từ **7 điểm** trở lên.

II – ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN:

Thí sinh dự thi CKI, CKII và Cao học (không áp dụng cho các thí sinh đăng ký dự thi bác sĩ nội trú).

1. Đối tượng ưu tiên:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Mức ưu tiên: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng mười điểm (10đ) vào kết quả thi cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm (1đ) vào kết quả thi cho môn thi chuyên ngành (thang điểm 10).

Ghi chú: + Các thí sinh thuộc các diện trên đề nghị nộp giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền khi đi nộp hồ sơ (không giải quyết trường hợp bổ sung giấy ưu tiên sau khi đã nộp hồ sơ).

+ Mỗi thí sinh chỉ được hưởng một diện ưu tiên, thí sinh **không đăng ký ưu tiên** khi nộp hồ sơ dự thi sẽ không được Hội đồng thi xét duyệt ưu tiên.

+ Khu vực ưu tiên căn cứ phân chia khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2014.

III - HỒ SƠ DỰ THI :

1. Đơn xin dự thi (có phần xác nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi của cơ quan chủ quản theo mẫu của Đại học Y Dược TP. HCM).
2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc chính quyền địa phương.
3. Giấy chứng nhận sức khỏe của bệnh viện đa khoa.
4. Bản sao bằng bác sĩ, dược sĩ hoặc cử nhân; Bản sao bằng tốt nghiệp CKI hoặc Bằng thạc sĩ và bằng điểm cao học nếu dự thi CKII (bản sao có công chứng).
5. Bốn ảnh 3x4 cm chụp không quá ba tháng và ba phong bì có dán tem ≥ 3.000 đồng có ghi sẵn họ tên, địa chỉ người nhận.
6. Công văn cử đi dự thi của cơ quan trực tiếp quản lý thí sinh (Phụ lục 7).
7. Biên lai đóng các khoản thu liên quan thi tuyển (bản photocopy).
8. Giấy xác nhận thuộc diện ưu tiên và các giấy tờ liên quan (nếu có).
9. Thí sinh thuộc diện biên chế phải nộp bản sao (có công chứng) quyết định bổ nhiệm công chức, viên chức nhà nước.
10. Đối với thí sinh Cao học và CKII được miễn đánh giá môn ngoại ngữ phải nộp bản sao (có công chứng) các văn bằng, chứng chỉ và giấy tờ liên quan theo quy định.

* Đối với thí sinh dự thi Bác sĩ nội trú cần thêm:

11. Nếu chưa có bằng tốt nghiệp đại học phải nộp Giấy chứng nhận tốt nghiệp của cơ sở đào tạo.
12. Giấy xác nhận của cơ sở đào tạo, cần có đầy đủ 03 nội dung sau: (Phụ lục 8)
 - Xếp loại tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên (chỉ tính điểm thi tốt nghiệp lần I).
 - Xác nhận không bị lưu ban, kỷ luật trong suốt quá trình học đại học.
 - Xác nhận không dừng học tập trong suốt quá trình học đại học (trừ lý do sức khỏe)

* Đối với thí sinh dự thi NCS cần thêm:

13. Giấy xác nhận xếp loại tốt nghiệp của cấp có thẩm quyền cấp bằng nếu bằng tốt nghiệp đại học không xếp loại (dành cho thí sinh là bác sĩ, dược sĩ dự thi NCS).
14. Bản sao (có công chứng) bằng thạc sĩ và bằng điểm cao học đối với thí sinh là thạc sĩ dự thi NCS.
15. Bản sao (có công chứng) văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo.
16. Hai thư giới thiệu dự thi theo qui định (Phụ lục 5).
17. Sáu bộ Danh mục các công trình nghiên cứu gồm bản sao các công trình khoa học đã được công bố (gồm trang bìa, trang mục lục, toàn văn bài báo của tác giả).
18. Sáu bản Bài luận dự thi về dự định nghiên cứu (Phụ lục 4).
19. Sáu quyền Đề cương nghiên cứu của thí sinh thi NCS (Phụ lục 9).

Ghi chú:

- * Phòng Sau đại học – Đại học Y Dược TP. HCM chỉ nhận các hồ sơ đầy đủ theo quy định.
- * Khi nộp hồ sơ dự thi, thí sinh phải **mang theo các văn bằng, quyết định, chứng chỉ bản gốc** để cơ sở đào tạo đối chiếu.
- * Không nhận hồ sơ qua đường Bưu điện.
- * Tất cả các giấy tờ trên được xếp theo thứ tự và đựng trong túi hồ sơ. Hồ sơ và các khoản thu liên quan đến thi tuyển sẽ không hoàn lại nếu thí sinh không được dự thi, bỏ thi hoặc thi không đạt.

IV - THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ :

- Thời gian phát hành hồ sơ: *từ ngày 08.12.2014*
- Thời gian nhận hồ sơ: *từ 05.01.2015 đến 09.01.2015*
- Các khoản thu nhận, duyệt và kiểm tra hồ sơ dự thi: 60.000 đ/01 hồ sơ.
- Nhận giấy báo dự thi: *từ 09.3.2015 đến 11.3.2015 (tại P.SDH- ĐHYD TP. HCM).*
- Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: **Phòng Sau đại học, Đại học Y Dược TP. HCM.**
217 Hồng Bàng, P.11, Q.5, TP. HCM – (08) 38.573.461

V - ÔN THI VÀ THI TUYỂN :

- * **Ôn thi :** - Tổ chức ôn các môn: cơ bản, cơ sở và ngoại ngữ
 - + Môn cơ bản: Nội trú
 - + Môn cơ sở: CK I, Cao học, Nội trú
 - + Môn ngoại ngữ: Cao học, Nội trú, CK II
- Đăng ký, nộp tiền ôn tập: 500.000 đ/môn thi/thí sinh tại Phòng Kế hoạch tài chính - ĐHYD TP.HCM từ ngày **08.12.2014**.
- Thời gian bắt đầu ôn thi: **15.12.2014** (xem lịch ôn tập cụ thể tại P. SDH -ĐHYD TP. HCM)
- Địa điểm ôn thi và đề cương ôn thi: xem thông báo tại P.SDH - ĐHYD TP. HCM.
- * **Thi tuyển:** Khoản thu từng môn thi: + 100.000 đ/01 môn đối với thí sinh dự thi Nội trú.
+ 120.000 đ/01 môn đối với thí sinh dự thi CKI, Cao học.
+ 200.000 đ/01 môn đối với thí sinh dự thi CKII.
- Khoản thu xét tuyển đề cương và thiết kế nghiên cứu của thí sinh NCS: 1.500.000đ/01 thí sinh.
- Thời gian nộp tiền: *từ 05.01.2015 đến 09.01.2015* tại Phòng Kế hoạch tài chính - ĐHYD TP. HCM.
- * **Trong thời gian ôn tập và thi tuyển thí sinh phải tự túc nơi ăn, ở.**

VI - THỜI GIAN THI VÀ ĐỊA ĐIỂM THI :

* **Thứ hai 23.3.2015 thí sinh tập trung tại Đại giảng đường, Đại học Y Dược TP.HCM (217 Hồng Bàng Q.5) để nghe phổ biến qui chế và địa điểm thi.**

NGÀY THI	BUỔI THI	MÔN THI	ĐỐI TƯỢNG	ĐỊA ĐIỂM
Thứ ba 24.3.2015	Sáng	Toán xác suất thống kê	NT	ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP.HCM Số 217 Hồng Bàng, P.11, Q.5, TP.HCM
	Chiều	Cơ sở	CK I, CH, NT*	
Thứ tư 25.3.2015	Sáng	Chuyên ngành	CK I, CK II, CH, NT*	
	Chiều	Ngoại ngữ (đọc - viết)	CK II, CH, NT	
Thứ năm 26.3.2015	Sáng	Môn thi 3	NT	
	Chiều	Môn thi 4	NT	
Thứ sáu 27.3.2015	Sáng	Môn thi 5	NT	

Ghi chú: NT*: Thí sinh BSNT thi chung với thí sinh Cao học cùng chuyên ngành.
Thí sinh xem giờ và địa điểm thi cụ thể tại Phòng Sau đại học.

Đánh giá đề cương NCS: từ ngày **30/3/2015** đến ngày **10/4/2015** tại ĐHYD TP. HCM.

Mọi thủ tục chi tiết liên hệ trực tiếp tại Phòng Sau đại học - Đại học Y Dược TP. HCM

số 217 Hồng Bàng, P.11, Q.5, TP. HCM; ĐT: 08 38 573 461.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
TP. HỒ CHÍ MINH
PGS.TS. Châu Ngọc Hoa

Phụ lục 1:

DANH MỤC CÁC MÔN THI CƠ SỞ CHUYÊN KHOA CẤP I, CAO HỌC

TT	Chuyên ngành dự thi	Cao học	Chuyên khoa cấp I
1	Giải phẫu học	Sinh lý học	Sinh lý học
2	Giải phẫu bệnh	Giải phẫu học	Giải phẫu học
3	Mô phôi	Giải phẫu học	Giải phẫu học
4	Hóa sinh y học	Sinh lý học	Sinh lý học
5	Sinh lý học	Giải phẫu học	Giải phẫu học
6	Huyết học		Sinh lý học
7	Vi sinh y học	Sinh lý học	Sinh lý học
8	Ký sinh trùng		Sinh lý học
9	Nội khoa	Sinh lý học	Sinh lý học
10	Nội tiết		Sinh lý học
11	Lão khoa	Sinh lý học	Sinh lý học
12	Hồi sức cấp cứu	Sinh lý học	Sinh lý học
13	Thần kinh	Sinh lý học	Sinh lý học
14	Tâm thần	Sinh lý học	Sinh lý học
15	Da liễu	Sinh lý học	Sinh lý học
16	Lao	Sinh lý học	Sinh lý học
17	Nhi khoa	Sinh lý học	Sinh lý học
18	Truyền nhiễm	Sinh lý học	Sinh lý học
19	Gây mê hồi sức	Sinh lý học	Sinh lý học
20	Ung thư	Giải phẫu học	Giải phẫu học
21	Ngoại khoa	Giải phẫu học	Giải phẫu học
22	Ngoại – Lồng ngực	Giải phẫu học	Giải phẫu học
23	Ngoại thần kinh – sọ não	Giải phẫu học	Giải phẫu học
24	Ngoại nhi	Giải phẫu học	Giải phẫu học
25	Ngoại – Tiết niệu	Giải phẫu học	Giải phẫu học
26	Chấn thương chỉnh hình	Giải phẫu học	Giải phẫu học
27	Phục hồi chức năng		Sinh lý học
28	Nhân khoa	Giải phẫu học	Giải phẫu học
29	Tai – Mũi – Họng	Giải phẫu học	Giải phẫu học
30	Sản phụ khoa	Giải phẫu học	Giải phẫu học
31	Chẩn đoán hình ảnh	Giải phẫu học	Giải phẫu học
32	Y học gia đình		Tổ chức quản lý y tế
33	Điều dưỡng	Sinh lý học	
34	Y học dự phòng		Thống kê y học
35	Y tế công cộng	Dịch tễ học cơ bản	Thống kê y học
36	Y học cổ truyền	Sinh lý học	Sinh lý học
37	Răng Hàm Mặt	Nha khoa cơ sở	Nha khoa cơ sở
38	CNDP và bào chế thuốc	Hóa hữu cơ	Hóa hữu cơ
39	Kiểm nghiệm thuốc và ĐC	Hóa hữu cơ	Hóa hữu cơ
40	Dược học cổ truyền	Hóa hữu cơ	Hóa hữu cơ
41	Dược lý và Dược lâm sàng	Hóa hữu cơ	Hóa hữu cơ
42	Tổ chức quản lý dược		Hóa hữu cơ
43	Xét nghiệm y học	Sinh lý học	

Phụ lục 2:

DANH MỤC CÁC MÔN THI CHUYÊN NGÀNH CKI, CKII, CAO HỌC

TT	Chuyên ngành dự thi	Cao học	Chuyên khoa cấp I	Chuyên khoa cấp II
1	Giải phẫu học	Y học hình thái	Giải phẫu học	
2	Giải phẫu bệnh	Y học hình thái	Giải phẫu bệnh	Giải phẫu bệnh
3	Mô phôi	Y học hình thái	Mô phôi	
4	Hóa sinh y học	Y học chức năng	Hóa sinh	Hóa sinh
5	Sinh lý học	Y học chức năng	Sinh lý học	
6	Huyết học		Huyết học	Huyết học
7	Vi sinh y học	Vi sinh học	Vi sinh	
	Vi khuẩn			Vi sinh
8	Ký sinh trùng		Ký sinh	Ký sinh
9	Nội khoa	Nội khoa	Nội khoa	
	Nội tiêu hóa			Nội chuyên ngành
	Nội hô hấp			
	Nội thận tiết niệu			
	Nội tim mạch			
10	Nội tiết		Nội tiết	Nội tiết
11	Lão khoa	Nội khoa	Lão khoa	Lão khoa
12	Hồi sức cấp cứu	Nội khoa	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu
13	Thần kinh	Thần kinh và tâm thần	Thần kinh	Thần kinh
14	Tâm thần	Thần kinh và tâm thần	Tâm thần	Tâm thần
15	Da liễu	Da liễu	Da liễu	Da liễu
16	Lao	Lao	Lao	Lao
17	Nhi khoa	Nhi khoa	Nhi khoa	
	Nhi – Sơ sinh			Nhi chuyên ngành
	Nhi – Tiêu hóa			
	Nhi – Hô hấp			
	Nhi – Tim mạch			
	Nhi – Thần kinh			
	Nhi – Huyết học			
	Nhi – Thận			
	Nhi – Nội tiết và CH			
	Nhi – Hồi sức			
18	Truyền nhiễm	Truyền nhiễm	Nhiễm	Nhiễm
19	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức
20	Ung thư	Ung thư học	Ung thư	Ung thư
21	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Ngoại khoa
22	Ngoại – Lòng ngực	Ngoại khoa	Ngoại – Lòng ngực	Ngoại lồng ngực
23	Ngoại thần kinh – sọ não	Ngoại khoa	Ngoại thần kinh	Ngoại thần kinh
24	Ngoại nhi	Ngoại khoa	Ngoại nhi	Ngoại nhi
25	Ngoại – Tiết niệu	Ngoại khoa	Ngoại niệu	Ngoại niệu
26	Chấn thương chỉnh hình	Ngoại khoa	Chấn thương chỉnh hình	Chấn thương chỉnh hình
27	Phục hồi chức năng		Phục hồi chức năng	
28	Nhãn khoa	Nhãn khoa	Nhãn khoa	Nhãn khoa
29	Tai – Mũi – Họng	Tai mũi họng	Tai mũi họng	
	Mũi họng			Tai mũi họng
	Thính học			

30	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa
31	Chẩn đoán hình ảnh		Chẩn đoán hình ảnh	
	X quang			Chẩn đoán hình ảnh
	Siêu âm			
32	Y học gia đình		Y học gia đình	Y học gia đình
33	Điều dưỡng	Chăm sóc người lớn bệnh nội khoa		
34	Y học dự phòng		Tổ chức quản lý y tế	
35	Y tế công cộng	Tổ chức y tế	Tổ chức quản lý y tế	
	Quản lý y tế			Tổ chức quản lý y tế
36	Y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị kết hợp YHCT	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền
37	Răng Hàm Mặt	Răng Hàm Mặt tổng quát	Răng hàm mặt chuyên ngành	Răng hàm mặt chuyên ngành
38	CNDP và bào chế thuốc	Bào chế - Công nghiệp dược	Công nghệ dược - Hóa dược - Bào chế	
39	Kiểm nghiệm thuốc và ĐC	Hóa phân tích - Kiểm nghiệm	Kiểm nghiệm dược phẩm - Độc chất	Kiểm nghiệm dược phẩm - Độc chất
40	Dược học cổ truyền	Dược liệu	Dược liệu - Dược học cổ truyền	
41	Dược lý và Dược lâm sàng	Dược lý - Dược lâm sàng	Dược lý - Dược lâm sàng	
42	Tổ chức quản lý dược		Quản lý dược	Quản lý dược
43	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học		

Phụ lục 3:

TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ ĐƯỢC MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ (CAO HỌC)

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
Cấp độ 3	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

Phụ lục 4:

BÀI LUẬN VỀ DỰ ĐỊNH NGHIÊN CỨU CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Phần hành chính:

Họ, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

,Nơi sinh:

Cơ quan công tác:

Chuyên ngành:

NỘI DUNG BÀI LUẬN (từ 3-5 trang A4)

1. Đặt vấn đề:

Trình bày lý do chọn đề tài nghiên cứu: tính cấp thiết, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài.

2. Mục tiêu nghiên cứu:

Nêu các mục tiêu cụ thể cần đạt được.

3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:

- Thiết kế nghiên cứu.
- Đối tượng nghiên cứu.
- Phương pháp nghiên cứu.

4. Triển vọng của đề tài:

Nội dung và phạm vi vấn đề nghiên cứu, hướng giải quyết, dự đoán kết quả muốn đạt được.

5. Thời gian thực hiện đề tài luận án:

Dự kiến sơ bộ thời gian, tiến độ thực hiện, khả năng nghiên cứu thành công.

Phụ lục 5:

THƯ GIỚI THIỆU NGHIÊN CỨU SINH

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Tôi tên:

Chức danh khoa học:năm ,Học vị:năm.....

Chuyên ngành:

Hiện đang công tác tại:

Có thời gian (... tháng/năm) công tác chung với ThS/BS/DS
tại trong chuyên ngành

Sau thời gian (là người hướng dẫn/lãnh đạo/cộng tác viên) với ThS/BS/DS,
tôi đánh giá ThS/BS/DS như sau:

- Về chuyên môn:

- Khả năng làm việc:

- Thái độ đối với công việc:

Nay tôi giới thiệu ThS/BS/DS,

Sinh ngày:/...../..... ,Nơi sinh:

Tốt nghiệp đại học: năm tại

Cơ quan công tác hiện tại:

Công tác chuyên môn trong chuyên ngành: từ,

đến ĐH Y Dược TP.HCM đăng ký dự thi NCS năm 2015.

Trân trọng kính chào.

NGƯỜI GIỚI THIỆU

(ký tên)

Ghi chú: Đề nghị ghi rõ họ tên, chức danh khoa học, học vị. Nếu là người lãnh đạo của thí sinh vui lòng ghi rõ chức vụ và đóng mộc cơ quan công tác.

Phụ lục 6:

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU**

(để xét trình độ ngoại ngữ khi dự tuyển và khi tốt nghiệp, theo Thông tư số: 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Chứng chỉ ngoại ngữ nộp để đăng ký dự tuyển NCS:

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS
B1	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
B1	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

II. Chứng chỉ ngoại ngữ nộp để xét tốt nghiệp NCS:

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS
B2	5.5	500 BPT 173 CBT 61 iBT	600	First FCE	Business Vantage	60

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
B2	TRKI 2	DELFB2 TCF niveau 4	B2 TestDaF level 4	HSK cấp độ 4	JLPT N3

Phụ lục 7:

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (2)

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/..... (3)

....., ngày tháng năm 201...

V/v. cử cán bộ y tế dự thi sau đại học

**Kính gửi: - Ban Giám hiệu Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh;
- Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2015.**

Căn cứ thông báo số:/ĐHYD-SĐH ngày của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc tuyển sinh sau đại học năm 201...;

Căn cứ nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho các cán bộ y tế;

Nay(2) cử thạc sĩ/bác sĩ/ dược sĩ/ cử nhân

(5) hiện đang công tác trong chuyên ngành.....

(6) đăng dự thi:

+ Cấp đào tạo: (7)

+ Hệ đào tạo: (8)

+ Chuyên ngành dự thi: (9)

Trân trọng kính chào.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ (10)**

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu.

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành công văn.

(3) Chữ viết tắt, ký hiệu tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành công văn.

(4) Địa danh

(5) Họ tên người dự thi.

(6) Tên chuyên ngành người dự thi đang công tác.

(7) Cấp đào tạo: Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II, Cao học, Nghiên cứu sinh, Bác sĩ nội trú.

(8) Hệ đào tạo: Tập trung, Tập trung theo chứng chỉ.

(9) Chuyên ngành dự thi: Chuyên ngành người dự thi hiện đang công tác.

(10) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký như: Hiệu trưởng, Giám đốc, Viện trưởng, v.v....

Phụ lục 8: MẪU GIẤY XÁC NHẬN ĐỀ DỰ THI BÁC SĨ NỘI TRÚ

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐHYD-SĐH Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 201...

GIẤY XÁC NHẬN

Ban chủ nhiệm khoa Y, Đại học Y Dược Tp. HCM xác nhận:

Họ tên sinh viên (viết chữ in hoa):.....

Ngày sinh: Nơi sinh:

Lớp: Tổ:

Khóa học:

Đã hoàn thành chương trình đào tạo: hệ

- Xếp loại tốt nghiệp: (chỉ tính điểm thi tốt nghiệp lần 1)
- Không bị lưu ban, kỷ luật trong suốt quá trình 6 năm học.
- Không dừng học tập trong suốt quá trình học (trừ lý do sức khỏe)

Giấy chứng nhận này cấp cho sinh viên để bổ túc hồ sơ dự tuyển Bác sĩ nội trú năm 2015 tại Đại học Y Dược Tp. HCM.

**TL. HIỆU TRƯỞNG
BAN CHỦ NHIỆM KHOA Y**

Phụ lục 9: **MẪU ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU SINH**

Nội dung đề cương NCS gồm hai phần:

Phần I. Trang bìa

Bao gồm các thông tin về Bộ chủ quản, cơ sở đào tạo NCS, tên đề tài, chuyên ngành, mã số, người thực hiện, cơ quan công tác và chức vụ đảm nhiệm.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỘ Y TẾ

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

TÊN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

Chuyên ngành:

Mã số:

Người thực hiện:

Cơ quan công tác:

Chức vụ đảm nhiệm:

TP. HỒ CHÍ MINH – 2015

Phần II. Nội dung

1. **Đặt vấn đề:** Xác định tính cấp thiết, ý nghĩa lý luận về mặt khoa học và thực tiễn của đề tài. Nêu rõ lý do tác giả chọn đề tài nghiên cứu này.
2. **Tổng quan tài liệu:** tổng hợp các tổng quan y văn, tài liệu tham khảo trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài nghiên cứu đã có từ trước đến nay, những vấn đề khoa học đã được giải quyết và các vấn đề tồn tại mà tác giả phát hiện cần tiếp tục nghiên cứu.
3. **Mục tiêu nghiên cứu:** Nêu rõ các mục tiêu cụ thể cần đạt được của đề tài nghiên cứu.
4. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** nêu rõ thiết kế nghiên cứu; cách chọn mẫu, cỡ mẫu; các phương pháp nghiên cứu được lựa chọn, các kỹ thuật, phương tiện, trang thiết bị, sinh phẩm, các phần mềm sinh thống kê được sử dụng; vấn đề y đức phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu nêu ở phần trên một cách cụ thể và chi tiết.
5. **Triển vọng của đề tài:** nội dung và phạm vi của vấn đề sẽ đi sâu nghiên cứu, hướng giải quyết và triển vọng về kết quả đạt được.
6. **Nơi thực hiện đề tài luận án.**
7. **Thời gian thực hiện đề tài luận án:** dự kiến sơ bộ về tiến độ thực hiện luận án.
8. **Dự trù kinh phí, nhân lực, công cụ, trang thiết bị, hóa chất ...**
9. **Tài liệu tham khảo:** được sử dụng khi viết đề cương gồm các tài liệu tham khảo tiếng Việt và tài liệu tham khảo tiếng nước ngoài.